

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/HS-ST  
Ngày: 15/10/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Cửu Hưng;

2. Bà Võ Thị Hoa Hằng.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Tiến Lực - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 568/TB-HS ngày 07/10/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Minh T**; Sinh năm 1981 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: Khu phố T, phường 1, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1945; nghề nghiệp: Hưu trí; Con bà: Trần Thị C, sinh năm 1950; nghề nghiệp: Hưu trí; Hiện đều trú tại: Khu phố T, phường 1, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con út; Vợ: Mai Thị L, sinh năm 1981; nghề nghiệp: Kế toán; Hiện trú tại: Khu phố T, phường 1, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/9/2014, bị Công an tỉnh Quảng Trị ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số **140/QĐ-XPHC** về hành vi “*Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm*” bằng hình thức phạt tiền 7.500.000 đồng (**đã thi hành**).

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2021 tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Hoàng Đức Huế**; Tên gọi khác: Lép; Sinh năm 1980 tại tỉnh T H; Nơi cư trú: Khu phố B, phường Đ, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Hoàng Đức Q (đã chết); Con bà: Lê Thị D (đã chết); Gia đình có 04

anh chị em, bị cáo là con út; Vợ: Lê Thị Quý P, sinh năm 1981 (đã ly hôn); Con: có 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2004) hiện sinh sống cùng mẹ tại tỉnh Gia Lai;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2021 tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**3. Họ và tên: Nguyễn Thị H;** Sinh năm 1990 tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Khu phố B, phường 4, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: **Không nghề;** Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Nguyễn Văn Ng (chết); Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1964; nghề nghiệp: Làm nông; hiện trú tại: xóm 4, xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Chồng: Nguyễn Hoài N, sinh năm 1984; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nghĩa An; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012); hiện trú tại: **Khu phố B, phường 4, thành phố Đ H,** tỉnh Quảng Trị;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2021 tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh T, Hoàng Đức H, Nguyễn Thị H **là bạn bè** và đã nhiều lần cùng nhau sử dụng ma túy.

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 11/5/2021, H liên lạc rủ Toàn đi uống cà phê tại quán cà phê số 03 đường Nguyễn Trãi thành phố Đông Hà. Tại đây, Toàn và Huế bàn bạc, thống nhất với nhau mua ma túy về sử dụng, H điện thoại cho H rủ góp tiền mua ma túy và H đồng ý. Huy nói **Huế và Toàn góp tiền giúp Huy, H sẽ trả sau, còn H đi thuê phòng trọ** Thanh Phương số 26 đường H T thành phố Đ H để cùng nhau sử dụng ma túy. **Cả ba thống nhất mỗi người góp 40.000 đồng, sau đó H đưa cho T 60.000 đồng (40.000 đồng của H, 20.000 đồng Huế cho H mượn).** T tìm đến khu vực gần trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi thành phố Đ H gặp 01 người phụ nữ tên Bé (không rõ lai lịch, địa chỉ) mua 10 viên ma túy tổng hợp hồng phiến với giá 400.000 đồng. Số ma túy trên đựng trong 02 đoạn ống nhựa màu trắng (01 đoạn chứa 03 viên và 01 đoạn chứa 07 viên), trong đó 03 viên cùng H và H góp tiền mua, còn 07 viên T mua riêng để sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma túy, Toàn cất giấu trong người rồi quay trở lại quán cà phê và thông báo cho H biết là đã mua được 03 viên ma túy, rồi cả hai đi đến phòng trọ mà H vừa thuê được để sử dụng ma túy. Tại phòng trọ, Toàn lấy ra 03 viên ma túy hồng phiến, làm dụng cụ rồi cùng Huy sử dụng hết 01 viên (H chưa kịp sử dụng), còn lại 02 viên ma túy hồng phiến đang để tại vị trí trên sàn nhà trong phòng trọ, ngay trước mặt T, H, H đang ngồi thì

bị lực lượng Công an thành phố Đông Hà tiến hành kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu giữ 02 viên ma túy nói trên. Quá trình kiểm tra còn phát hiện tại túi quần phía trước bên phải của T đang mặc trên người có 01 đoạn ống nhựa màu trắng, bên trong có chứa 07 viên ma túy hồng phiến, số ma túy trên H, H không biết và không liên quan gì.

Tại bản kết luận giám định số 520/KLGD ngày 13/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận:

- 02 viên nén hình tròn, màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có chữ WY được niêm phong trong phong bì ký hiệu M có khối lượng 0,1888 gam là ma túy loại Methamphetamine;

- 07 viên nén hình tròn, màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có chữ WY được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 có khối lượng 0,6502 gam là ma túy loại Methamphetamine;

Tại bản Cáo trạng số 99/QĐ/CT-VKSĐH ngày 31/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh T, Hoàng Đức H, Nguyễn Thị H về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Nguyễn Minh T** trong khoảng từ 17 (mười bảy) đến 19 (mười chín) tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Hoàng Đức H** 13 (mười ba) đến 14 (mười bốn) tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Nguyễn Thị H** 12 (mười hai) đến 13 (mười ba) tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu và tiêu hủy 01 bì niêm phong ký hiệu PS3A057965. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu ASANZO.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Nguyễn Minh T: Sau thời gian bị tạm giam bị cáo đã biết hành vi sai trái của mình, bị cáo rất hối hận, hiện tại mẹ bị cáo bị bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về có thể được gặp mẹ và chăm lo cho vợ con.

Bị cáo Hoàng Đức H: Trong thời gian bị tạm giam bị cáo suy nghĩ và nhận thấy mình quá sai trái khi sử dụng ma túy, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị H: Bị cáo suy nghĩ nhiều về hành vi sai trái của mình, hiện chồng bị cáo cũng đang bị giam giữ, các con còn nhỏ nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về chăm lo cho con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Công an thành phố Đông Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Trong đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng đã thể hiện đủ cơ sở kết luận: Ngày 11/5/2021, Nguyễn Minh T, Hoàng Đức H và Nguyễn Thị H đã có hành vi tàng trữ 0,1888 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng. Riêng Nguyễn Minh T còn có hành vi tàng trữ trái phép độc lập 0,6502 gam ma túy loại **Methamphetamine để sử dụng nên Toàn phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng là 0,8390 gam ma túy loại Methamphetamine.**

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, điều luật có khung hình phạt tù từ một năm đến năm năm.

[3] Về tính chất, mức độ tham gia tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, là nguyên nhân gây nên các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây mất trật tự trị an địa phương và tâm lý hoang mang lo sợ trong nhân dân, cần xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo” quy định tại Điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Minh T có mẹ là người có công với Nhà nước được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, trong thời gian sinh sống tại địa phương bị cáo có thành tích trong công tác Quốc phòng - An ninh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Đông Hà tặng giấy khen nên xem xét cho bị cáo được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét vai trò thực hiện hành vi thấy rằng các bị cáo T và H khi gặp nhau đã cùng thống nhất việc mua ma túy sử dụng, bị cáo T trực tiếp liên lạc mua ma túy, bị cáo H rủ bị cáo H tham gia, bị cáo H thực hiện việc thuê phòng để cùng nhau sử dụng ma túy. Trong vụ án này bị cáo T tàng trữ số lượng ma túy nhiều hơn nên phải chịu mức hình phạt cao

hơn so với các bị cáo khác. Bị cáo H là người rủ rê Huy tham gia nên cần xử phạt Huế mức hình phạt cao hơn so với H và phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Ban hành quyết định tạm giam các bị cáo thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Một điện thoại di động nhãn hiệu ASANZO, màu đen xám, bàn phím số, có số thuê bao 0852993739, số IMEI1:355511092755146, số IMEI2: 355511092959144 của bị cáo Huế không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Sổ ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định được niêm phong trong bì có ký hiệu PS3A – 103203 là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- Một chai nhựa màu trắng các bị cáo dùng làm công cụ sử dụng ma túy cần tiêu hủy.

Quá trình điều tra không xác định được người đã bán ma túy cho **Toàn** nên không có cơ sở xử lý.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh T, Hoàng Đức H**, tên gọi khác: Lép, **Nguyễn Thị H** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

**2.** Về hình phạt:

- Căn cứ Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Nguyễn Minh T 15** (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/5/2021.

- Căn cứ Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Hoàng Đức H 13** (mười ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/5/2021.

- Căn cứ Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Nguyễn Thị H 12** (mười hai) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/5/2021.

**3.** Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Trả lại cho **Hoàng Đức H** một điện thoại di động nhãn hiệu ASANZO, màu đen xám, bàn phím số, có số thuê bao 0852993739, số IMEI1:355511092755146, số IMEI2: 355511092959144.

Tịch thu và tiêu hủy sổ ma túy và bao gói được niêm phong trong bì có ký hiệu PS3A – 103203, bên ngoài có dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị và 01 chai nhựa màu trắng.

Vật chứng và tài sản tạm giữ hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/9/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đông Hà với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

**4.** Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, xử: Buộc các bị cáo Nguyễn Minh T, Hoàng Đức H và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5.** Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Công an TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hải Yến**